

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lam

2. Ông Nguyễn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Quỳnh Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại hội trường xử án, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Kim T, sinh năm: 2000

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thế S, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2025 và quá trình tố tụng, Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thế S sau một thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là UBND xã X, tỉnh Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136 ngày 05 tháng 12 năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống nhờ nhà cha mẹ bà một thời gian, đến năm 2020 chồng bà làm thuê tại cửa hàng bia Đến Có nên vợ chồng ở nhờ tại rẫy nhà ông Đến C. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình không hợp, ông S có tính vũ phu bạo lực, thường xuyên đánh bà, không quan tâm đến vợ con, không đưa tiền cho bà để trang trải chi tiêu cho gia đình, mà ông tự giữ để phục vụ cho sở thích cá nhân như

độ xe, xâm mình; bà khuyên nhủ thì ông S chửi bà và cha mẹ bà, đánh đập bà. Do thường xuyên mâu thuẫn nên bà dẫn 02 con về nhà mẹ ruột bà sống từ cuối năm 2024 cho đến nay, từ đó vợ chồng không còn sống chung. Khoảng tháng 5 năm 2025 bà nộp đơn khởi kiện xin ly hôn ông S; tuy nhiên, để tạo điều kiện cho ông S thay đổi tính tình, để vợ chồng quay về chung sống đoàn tụ nên bà rút đơn khởi kiện. Nhưng từ khi rút đơn khởi kiện, ông S vẫn tính nào tật nấy, vẫn đánh đập bà nên tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn; do đó, bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thế S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Thế K, sinh ngày 22/02/2018 và Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 12/8/2021. Hiện các con đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà làm thuê thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Thế S không tham gia tố tụng tại Tòa án; theo Biên bản về việc tổng đạt văn bản tố tụng được Công an xã X xác nhận, ông Nguyễn Thế S trình bày: Ông và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, N, Ninh Thuận (nay xã X, tỉnh Khánh Hòa), không tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với ba mẹ vợ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2025, vợ tự ý bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Đến nay, vợ chồng không sống chung, mạnh ai nấy sống. Nay ông đồng ý ly hôn. Về con chung, ông đồng ý giao 02 chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vắng mặt lần 2 dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ; về Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn Bị đơn ông Nguyễn Thế S và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Hoàng Thế K, sinh ngày 22/02/2018 và Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 12/8/2021. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ thường trú tại Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa theo quy định tại Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, Bị đơn tiếp tục vắng mặt lần 2, dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị Kim T và ông Nguyễn Thế S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Trịnh Thị Kim T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Thế S. Nhận thấy, bà T và ông S đều xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa; ông S cũng đồng ý ly hôn. Điều này, chứng tỏ hôn nhân của ông, bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim T

[2.2] Về giao người trực tiếp nuôi con:

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Thế K, sinh ngày 22/02/2018 và Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 12/8/2021. Xét thấy, từ ngày vợ chồng không còn sống chung, 02 con sống ổn định với mẹ, đảm bảo được sức khỏe cũng như học tập của trẻ. Hơn nữa, trẻ Thế Khang có nguyện vọng tiếp tục ở cùng mẹ; Bị đơn ông Nguyễn Thế S cũng đồng ý giao 02 con cho bà T nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung của Nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về án phí: Bà Trịnh Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định trên, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Kim T được ly hôn ông Nguyễn Thế S.

2. Về giao người trực tiếp nuôi con: Bà Trịnh Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Thế K, sinh ngày 22/02/2018 và Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 12/8/2021.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với con chung; không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001611 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Trịnh Thị Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Bị đơn vắng mặt; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND KV 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Xuân Hải, Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyên Vy

